

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 21 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm,
giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Hà Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020, tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Hà Giang với các nội dung chủ yếu sau:

I. Về đánh giá phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 đạt 6,55%; Tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2015 đạt 19,2 triệu đồng. Cơ cấu từng ngành kinh tế có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Nông nghiệp tăng trưởng khá ổn định; sản lượng lúa hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, có nhiều mô hình, cách làm sáng tạo. Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá cao, công tác xúc tiến, thu hút đầu tư có chuyển biến tích cực, môi trường đầu tư ngày càng được cải thiện, tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp được nâng lên. Thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu tiếp tục phát triển. Kết cấu hạ tầng cho phát triển kinh tế biên mậu được ưu tiên đầu tư; du lịch có nhiều khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền được tổ chức tốt; công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân thường xuyên được quan tâm; an sinh xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, không

đề xảy ra bị động, bất ngờ. Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế được mở rộng, phát triển có chiều sâu.

Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, nên Hà Giang vẫn là một trong những tỉnh đặc biệt khó khăn, đời sống còn ở mức thấp; vùng biên giới vẫn còn chịu nhiều tàn dư của chiến tranh; hạ tầng giao thông yếu về năng lực kết nối vùng, miền là một trong những yếu tố trở ngại lớn; mặc dù các chính sách hỗ trợ của Trung ương đã có, nhưng vẫn không đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp lớn đến với địa phương. Công tác cải cách hành chính, quản lý điều hành, kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy nhà nước có mặt còn hạn chế.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020:

1. Mục tiêu:

Đảm bảo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI. Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu xây dựng Hà Giang thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, có trình độ phát triển đạt mặt bằng chung của các tỉnh miền núi.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020:

a) Chỉ tiêu kinh tế:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt tốc độ tăng bình quân 5 năm từ 8%/năm trở lên;
- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - dịch vụ chiếm 42,1%, Công nghiệp - xây dựng 24,7%, Nông lâm nghiệp - thủy sản 28,6%, Thuế sản phẩm 4,6%;
- Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 30 triệu đồng/năm;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 2.500 tỷ đồng;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 50.000 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất công nghiệp (*theo giá thực tế*) đạt 8.000 tỷ đồng;
- Giá trị hàng hoá xuất, nhập khẩu qua cửa khẩu đạt 880 triệu USD;
- Tổng sản lượng lương thực đạt 42 vạn tấn. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất canh tác hằng năm đạt 50 triệu đồng. Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp đạt 30%;
- Doanh thu du lịch, dịch vụ đạt 2.050 tỷ đồng.
- Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới là 38 xã (*thêm 27 xã công nhận mới*);

b) Chỉ tiêu xã hội:

- Tỷ lệ huy động trẻ từ 6 đến 14 tuổi đến trường đạt 99%; tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia 30%;

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,4%; 100% số xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế và đạt 10,5 bác sĩ/1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 98,2%;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm đạt trên 4%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 55%, trong đó qua đào tạo nghề 45%;

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 94,4%;

c) Chỉ tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch đạt 90%;

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 86%;

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 90%;

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 58% trở lên;

d) Chỉ tiêu về lĩnh vực nội chính:

- Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng (1,2,3,4) là 19.176 lượt người;

- Hàng năm giảm số vụ tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí: Số vụ, số người chết, số người bị thương là 5%.

- Giảm tai nạn xã hội đạt 12% so với năm 2015 về số đối tượng vi phạm/1.000 dân.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên tập trung thực hiện

a) Tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh, theo hướng: Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chọn đúng trọng tâm cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tập trung đột phá phát triển du lịch gắn với kinh tế biên mậu;

b) Tập trung các nguồn lực đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông gắn kết với tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, các tuyến giao thông gắn kết với các tỉnh vùng Tây Bắc và vùng Đông Bắc, các tuyến đường phục vụ cho phát triển mạnh kinh tế biên mậu (kinh tế cửa khẩu), dịch vụ, du lịch của tỉnh và một số tuyến đường dân sinh vào vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung;

c) Tập trung phát triển một số sản phẩm có thể mạnh theo chuỗi giá trị và tiêu chuẩn VietGAP, như: Chăn trâu, bò, nuôi ong... Phát triển các cây dược liệu gắn với chế biến để trở thành sản phẩm hàng hóa có tính cạnh tranh cao, mang thương hiệu của tỉnh;

d) Đẩy nhanh tốc độ phát triển thương mại, dịch vụ, đặc biệt là phát triển kinh tế biên mậu. Chú trọng phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đèo Văn;

đ) Hình thành vùng động lực phát triển kinh tế của tỉnh tại các huyện: Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê và thành phố Hà Giang;

e) Thực hiện đồng bộ, quyết liệt công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; đột phá trong công tác cán bộ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ.

(có Phụ lục các chỉ tiêu kinh tế - xã hội kèm theo Nghị quyết này)

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Các ngành, các cấp quán triệt và thực hiện tốt 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2011 - 2020) của cả nước; Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung thực hiện có hiệu quả 02 khâu đột phá, 5 chương trình trọng tâm và các nhiệm vụ chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Chương trình hành động số 74/CTr-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Đồng thời tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

1. Về phát triển kinh tế:

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt. Nâng cao khả năng dự đoán, dự báo tình hình kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách phân cấp ủy quyền cho vùng động lực, tạo sự bứt phá trong phát triển kinh tế;

b) Phát triển nông nghiệp có trọng tâm, trọng điểm, bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch. Tập trung phát triển một số sản phẩm có thế mạnh theo chuỗi giá trị và tiêu chuẩn VietGAP, như: Chè, cam, cây dược liệu, trâu, bò, ong... có thương hiệu, có tính cạnh tranh cao. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 209/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2020 có 38 xã hoàn thành 19 tiêu chí, trong đó: Kế hoạch 2016 - 2020 hoàn thành thêm 27 xã;

c) Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp, khu kinh tế, khu cửa khẩu. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tiếp cận các nguồn lực, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Phấn đấu tốc độ phát triển ngành công nghiệp tăng bình quân hàng năm 10%.

Quản lý chặt chẽ đầu tư xây dựng cơ bản trên cơ sở thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công; tập trung ưu tiên cho công tác xử lý nợ đọng XDCB. Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư để đầu tư cho các chương trình đột phá, công trình trọng điểm và các công trình thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020. Tiếp tục triển khai đầu tư nâng cấp các đô thị trên địa bàn tỉnh theo lộ trình đến năm 2020;

d) Tiếp tục kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết 206/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biên mậu trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đưa tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng xã hội giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 10%.

Triển khai có hiệu quả về cơ chế, chính sách phát triển du lịch trên địa bàn; có giải pháp cụ thể, khả thi để phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tốt các lợi thế của tỉnh. Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch, tăng cường liên kết phát triển du lịch với các đối tác ngoài tỉnh. Phấn đấu đến năm 2020, thu hút 1,5 triệu lượt khách trở lên;

đ) Tập trung công tác thu ngân sách; huy động tối đa các nguồn thu, hạn chế thất thu, nâng cao tỷ lệ các nguồn thu mang tính bền vững; Phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 8-10%. Thực hiện chi tiêu công tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển. Chú trọng huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đáp ứng nhu cầu đầu tư của tỉnh.

Tiếp tục mở rộng mạng lưới và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức tín dụng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động của hệ thống tín dụng. Phấn đấu tăng trưởng tín dụng bình quân 8 - 10%/năm, tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 3%;

e) Tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ; triển khai xây dựng đề án tổng thể phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh; xây dựng Kế hoạch thực hiện mô hình doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao, tiến tới thành lập doanh nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Tập trung thực hiện tốt quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020.

2. Phát triển văn hóa - xã hội:

a) Phát triển giáo dục đào tạo, dạy nghề và nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh triển khai đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đầu tư trường đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới. Tăng cường xã hội hóa giáo dục. Đảm bảo huy động tối đa trẻ em và học sinh trong độ tuổi vào các lớp đầu cấp và duy trì sĩ số, chất lượng học tập của học sinh của từng cấp học, bậc học.

Đổi mới mô hình quản lý và tổ chức đào tạo nghề, nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề, gắn với nhu cầu thị trường, Xây dựng cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế, đào tạo phải gắn với giải quyết việc làm;

b) Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống y tế công từ tỉnh đến cơ sở; khai thác có hiệu quả bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Đẩy mạnh công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực ngành y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Khuyến khích phát triển cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập chất lượng cao. Tập trung phòng chống dịch bệnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế;

c) Tiếp tục khôi phục và phát triển các hoạt động văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử, văn hoá; phát huy hiệu quả các công trình văn hóa, di tích đã được đầu tư. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể thao;

d) Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo, chính sách dân tộc; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công. Tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách bảo trợ xã hội.

3. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước:

Triển khai có hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh. Điều hành tốt hoạt động Trung tâm hành chính công của tỉnh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

4. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, tình hình chính trị - xã hội ổn định; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển:

Thực hiện có hiệu quả chiến lược an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; tập trung thực hiện các giải pháp kiềm chế gia tăng tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh nông thôn. Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; Thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch chiến lược tổng thể về hội nhập quốc tế của tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chủ động, tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, vận động các nguồn ODA, tổ chức phi chính phủ.

5. Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác dân vận chính quyền, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận, đoàn thể và nhân dân tham gia quản lý nhà nước, góp ý xây dựng chính quyền.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2016.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai thông qua. / *ves*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Ủy ban MTTQ, Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn

PHỤ LỤC
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **23**.NQ-HĐND ngày **21** tháng 7 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016 - 2020
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ		
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá so sánh)	%	8,0
2	Cơ cấu kinh tế	%	100,0
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	28,6
	- Công nghiệp và xây dựng	%	24,7
	- Dịch vụ	%	42,1
	- Thuế sản phẩm	%	4,6
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	30,0
II	NGÀNH CÔNG NGHIỆP		
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (Giá thực tế)	Tỷ đồng	8.000,0
2	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện	%	94,4
3	Số làng nghề	Làng	40,0
III	NGÀNH NÔNG LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN		
1	Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	7.190,0
2	GTSP thu hoạch bình quân/ha đất nông nghiệp	Tr.đồng/ha	50,0
3	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	420.000,0
4	Diện tích Cây Chè	Ha	23.200,0
	<i>Tr.đó: Diện tích trồng mới</i>	<i>Ha/năm</i>	<i>440,3</i>
5	Diện tích Cây Đậu tương	Ha	24.350,0
6	Diện tích Cây Lạc	Ha	8.700,0
7	Diện tích Cây Cam, quýt (Lũy kế)	Ha	5.239,6
8	Diện tích Dược liệu	Ha	13.014,0
	<i>Trong đó: Diện tích trồng mới</i>	<i>Ha</i>	<i>5.416,0</i>
9	Chăn nuôi, thủy sản		
	- Tỷ trọng chăn nuôi trong ngành nông nghiệp	%	>30
	- Tổng đàn gia súc (trâu, bò, lợn, dê)	Vạn con	122,4
	- Tổng đàn gia cầm	Nghìn con	5.846,0
	- Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	2.250,0
10	Diện tích rừng trồng mới tập trung (Lũy kế)	Ha	19.059,3



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016 - 2020
IV	XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ		
1	Số xã đạt tiêu chí XD nông thôn mới	Xã	38,0
2	Số xã đạt từ 5-9 tiêu chí nông thôn mới	Xã	19,0
3	Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí nông thôn mới	Xã	89,0
4	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí nông thôn mới	Xã	30,0
5	Tỷ lệ thôn, bản có đường đi được xe cơ giới	%	90,0
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	55-60
V	HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ		
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội	Tỷ đồng	12.000,0
2	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	880,0
VI	THU CHI NGÂN SÁCH VÀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI		
1	Tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Nghìn tỷ đồng	51,81
2	Thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	2.500,0
3	Tăng trưởng tín dụng hằng năm	%	8-10
4	Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng	%	3
V	CHỈ TIÊU XÃ HỘI		
1	Giáo dục, đào tạo, lao động, giải quyết việc làm, giảm nghèo, trẻ em		
	- Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đi nhà trẻ	%	35,0
	- Tỷ lệ huy động 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	%	>99
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo	%	> 99
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6-14 tuổi đến trường	%	99,0
	- Tỷ lệ huy động 6 tuổi vào lớp 1	%	> 99
	- Tỷ lệ huy động học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học Trung học phổ thông (phổ thông và bổ túc)	%	75,0
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	30,0
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	55,0
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	45,0
	- Số lao động được tạo việc làm	Nghìn người	81,2
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	4,0
2	Y tế		
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,40

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016 - 2020
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	18,0
	- Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	44,0
	- Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	10,5
	- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế	%	100,00
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 7 loại vaccine	%	98,20
	- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	98,2
3	Văn hóa, thông tin truyền thông và du lịch		
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	70
	- Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	50
	- Thu hút khách du lịch	Triệu lượt người	1,5
VI	CHỈ TIÊU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		
1	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	58,0
2	- Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	90,0
3	- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	86,0
4	- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	90,0
5	- Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được xử lý	%	100,0

